

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÁNH LINH  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **37/2020/HNGĐ-ST.**

Ngày: 12/8/2020.

V/v: “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH,  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Mạnh Trí.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Giáp Hà Tĩnh.
2. Bà Đinh Thị Nguyệt.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tân - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thị Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2020, về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Thôn 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Lê Thái H, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Thôn 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận; vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Cháu Lê Thái A, sinh ngày 07/7/2006; Nơi cư trú: Thôn 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\*/ Thể hiện trong đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Thu T yêu cầu:*

Về hôn nhân: Chị T và anh Lê Thái H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã G vào năm 2006. Sau khi kết hôn, chị T và anh H chung sống với nhau không có hạnh phúc mà phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh H gây áp lực, đánh đập chị T, anh H là người chồng không có trách

nhiệm gia đình, không chung thủy trong hôn nhân, có mối quan hệ trai gái với người khác. Ngoài ra, vợ chồng còn nhiều bất đồng về vấn đề tình cảm, công việc trong gia đình. Nay chị T nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với anh H được nữa nên quyết định xin ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị T và anh H có hai con chung tên là Lê Thái A, sinh năm 2006 và Lê Thái Hồng N, sinh năm 2014, hiện tại các con đang ở với chị T.

Khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai người con chung nêu trên cho đến khi thành niên, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết.

Chứng cứ chị T cung cấp bao gồm: Bản chính giấy chứng nhận kết hôn; 02 bản sao khai sinh con chung; 02 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Thu T, Lê Thái H.

*\*/ Quá trình giải quyết vụ án bị đơn - anh Lê Thái H trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn như sau:*

Về hôn nhân: Anh H và chị Nguyễn Thị Thu T là vợ chồng, chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã G vào năm 2006. Theo yêu cầu xin ly hôn của chị T thì anh H không đồng ý. Vì hiện nay bản thân anh H vẫn còn tình cảm yêu thương đối với chị T, đồng thời mong muốn đoàn tụ hàn gắn tình cảm vợ chồng. Về nguyên nhân ly hôn theo như chị T đã trình bày là do anh H không tôn trọng, xúc phạm, đánh đập chị T thì anh H xác định là không đúng. Tuy nhiên bản thân anh thừa nhận trong thời gian chung sống, vợ chồng khó tránh khỏi những xích mích, cãi vã nhưng bản thân anh luôn yêu thương vợ và có trách nhiệm với gia đình.

Về con chung: Anh H thừa nhận trong thời gian chung sống anh và chị T có hai người con chung như chị T đã trình bày là đúng. Do anh H không đồng ý ly hôn với chị T nên anh không yêu cầu giải quyết về con, theo đó đề nghị giải quyết việc nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh H không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình tố tụng, anh Lê Thái H không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến như sau:*

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 BLTTDS năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp và đúng tư cách pháp lý của người tham gia tố tụng theo quy định BLTTDS, tiến hành lấy lời khai, thu thập chứng cứ, thông báo phiên họp và hòa giải cho đương sự, gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử, hồ sơ và các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát nghiên cứu; cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tố tụng theo quy định BLTTDS. Tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị Thu T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Lê Thái H đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó căn cứ điều 227, 228 BLTTDS năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và các Điều 146, 147, 203, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 81, 82, 83, 110, 116 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Lê Thái H.

+ Về con chung: Giao cháu Lê Thái A, sinh năm 2006 và Lê Thái Hồng N, sinh năm 2014 cho chị Nguyễn Thị Thu T tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc cho đến khi thành niên. Anh Lê Thái H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con nhưng được quyền thăm nom chăm sóc con, không ai được ngăn cản.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn anh Lê Thái H đã triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Thu T:

Chị T và anh H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã G năm 2006 nên là hôn nhân hợp pháp.

Lý do mà chị T yêu cầu ly hôn với anh H là do hôn nhân không có hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nguyên nhân chủ yếu là do anh H không có trách nhiệm với gia đình, không chung thủy, gây áp lực, thậm chí đánh đập chị. Ngoài ra, giữa chị và anh H có nhiều bất đồng với nhau về chuyện tình cảm, công việc gia đình.

Thể hiện trong biên bản lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử anh Lê Thái H trình bày ý kiến cho rằng bản thân anh vẫn còn tình cảm yêu thương chị T, không mong muốn ly hôn.

Sau khi thụ lý, Tòa án đã thông báo phiên hòa giải đoàn tụ giữa chị T và anh H nhưng không hòa giải được vì anh H vắng mặt không rõ lý do. Trong khi đó chị T vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn, không muốn kéo dài cuộc sống hôn nhân với anh H nữa.

Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh H tại phương thấy rằng: Chị T và anh H là vợ chồng sinh sống tại thôn 2, xã Đ. Thời gian qua, do vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau nên đã xảy ra gây gổ, cãi vã rồi tự sống ly thân với nhau cho đến nay.

Tòa án tiến hành xét xử công khai vụ án, nhưng chị T không tham gia, tuy nhiên chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, theo đó đề nghị được ly hôn với anh H. Đối với anh H cả hai lần mở phiên tòa anh H đều vắng mặt không có lý do.

Điều đó chứng bản thân chị T cũng như anh H không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn giữa hai anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, quyết định cho chị T được ly hôn với anh H, theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị T và anh H có hai người con chung là cháu Lê Thái A, sinh ngày 07/7/2006 và Lê Thái Hồng N, sinh ngày 30/3/2014, hiện các con đang ở với chị T.

Khi ly hôn chị T có yêu cầu được nuôi dưỡng hai người con chung cho đến khi thành niên. Đối với anh Lê Thái H không tham tố tụng nhưng có lời khai trình bày không đồng ý ly hôn với chị T nên không yêu cầu giải quyết nuôi con, đề nghị xem xét giải quyết theo quy định.

Về ý kiến của con chưa thành niên trên 7 tuổi: Cháu Lê Thái A có nguyện vọng được ở với chị T.

Xét thấy yêu cầu nuôi con của chị T là chính đáng, để đảm bảo quyền lợi và tránh xáo trộn về môi trường sống, cần tiếp tục giao cháu Anh và cháu N cho chị T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi thành niên, anh H được quyền thăm nom chăm sóc con, là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Cần buộc chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại Điều 146, 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Căn cứ vào:**

- Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 203, điểm b, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T.

*1. Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Lê Thái H.

*2. Về con chung:*

+ Tiếp tục giao cho chị Nguyễn Thị Thu T có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục 02 (hai) người con chung tên Lê Thái A, sinh ngày 07/7/2006 và Lê Thái Hồng N, sinh ngày 30/3/2014 đến khi thành niên. Anh Lê Thái H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị T nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc con, không ai được ngăn cản.

+ Trường hợp các đương sự có thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn thì thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

*3. Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Thu T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn đã nộp theo biên lai số 0027322, ngày 07/2/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

*4. Về quyền kháng cáo:* Án xử sơ thẩm, Nguyên đơn, bị đơn sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết (đã giải thích quyền kháng cáo).

### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Tánh Linh;
- UBND xã G;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Trần Mạnh Trí**